

MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ CƠ BẢN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG “QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT”

NGUYỄN THANH BÌNH(*)

Quốc triều hình luật (hay còn gọi là Lê triều hình luật) được xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh trong thời Lê sơ và được Lê Thánh Tông ban hành vào năm 1483 trong thời gian ông lấy niên hiệu là Hồng Đức nên còn có tên gọi khác là Luật Hồng Đức. Bộ luật này chứa đựng nhiều yếu tố, giá trị tích cực, tiến bộ, trong đó cần phải nhấn mạnh và khẳng định đến một giá trị nổi bật là, những quyền tối thiểu nhưng cơ bản của con người, đặc biệt là của người dân được thừa nhận, được tôn trọng và được bảo vệ bằng pháp luật. Điều đó thể hiện ở, thứ nhất, Luật Hồng Đức đã đưa ra nhiều điều luật, quy phạm cụ thể nhằm tạo ra môi trường, thể chế, ... để những quyền cơ bản của con người được tôn trọng và bảo vệ. Thứ hai, trong bộ Luật Hồng Đức, có nhiều điều luật với nhiều quy định cụ thể đã chứng tỏ nhân phẩm và nhiều quyền tự do khác của con người được thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ. Thứ ba, mọi người đều có quyền được sống, được chăm sóc, được bảo vệ.

1. Quốc triều hình luật (hay còn gọi là Lê triều hình luật) được xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh trong các triều đại phong kiến Việt Nam thời Lê sơ. Bộ luật này được vua Lê Thánh Tông ban hành vào năm 1483 trong thời gian ông lấy niên hiệu là Hồng Đức (1470-1497), nên trong dân gian và trong sử sách vẫn thường gọi bộ luật này là Luật Hồng Đức(1). Tất nhiên, cho đến nay, vẫn còn có nhiều ý kiến khác nhau về thời điểm khởi thảo và thời điểm hoàn chỉnh bộ luật này. Trong thiên *Hình luật chí* (sách *Lịch triều hiến chương loại chí*), Phan Huy Chú cũng như dựa trên nhiều nguồn tư liệu khác và theo quan điểm chung của nhiều nhà nghiên cứu thì bộ luật này được xây dựng trên cơ sở sưu tập tất cả các điều luật, các văn bản pháp luật đã ban bố và thi hành trong các đời vua trước đây, được sửa chữa, bổ sung và san định lại cho hoàn chỉnh(2). Song, trong *Lời nói đầu* của cuốn *Quốc triều hình luật* do Viện Sử học Việt Nam dịch và giới thiệu thì bộ luật trên có thể được soạn thảo ngay năm đầu của triều

Lê sơ (Lê Thái Tổ) và “không ngừng được các triều vua kế tiếp bổ sung, hoàn chỉnh dần, trong đó chắc chắn là có những đóng góp to lớn của ông vua nổi tiếng văn hiến Lê Thánh Tông”(3). Có thể khẳng định rằng, *Luật Hồng Đức* là bộ luật tiến bộ nhất, hoàn chỉnh nhất trong các bộ luật ở Việt Nam thời phong kiến; là thành tựu có giá trị đặc biệt trong lịch sử pháp luật Việt Nam; là một trong những thành tựu tiêu biểu của nền văn hiến nước ta. Bộ luật ấy chứa đựng nhiều giá trị nhân văn sâu sắc và nội dung tư tưởng rộng lớn, là cơ sở nền tảng trong việc xây dựng nhà nước phong kiến thịnh trị thời Lê sơ.

(*) Tiến sĩ, Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(1) Từ đây trở đi, trong bài viết này, chúng tôi gọi bộ *Quốc triều hình luật* này là *Luật Hồng Đức*.

(2) Phan Huy Lê. *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, t. II. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1960, tr.159-160.

(3) *Quốc triều hình luật* (Viện Sử học dịch và giới thiệu). Nxb Chính trị Quốc gia (xuất bản lần thứ hai). Hà Nội, 1995.

2. Trong xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp, pháp luật là ý chí, là quyền lực của các thế lực, giai cấp thống trị được cụ thể hoá, thể chế hoá bằng luật. Vì vậy, pháp luật là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất để ràng buộc, bắt buộc mọi người, mọi giai cấp khác phải tuân thủ, phục tùng tuyệt đối, vô điều kiện ý chí, quyền lực của thế lực, giai cấp thống trị. Đồng thời, pháp luật cũng còn là một trong những công cụ chủ yếu nhất, quan trọng nhất của giai cấp thống trị nhằm duy trì, bảo vệ địa vị thống trị và những quyền lợi ích kỷ của chúng. Bộ *Luật Hồng Đức* cũng vậy. Cụ thể là, bộ luật này đã dành hẳn chương *Vệ cấm* (với 47 điều) và nhiều điều luật khác ở các chương khác nhằm bảo vệ tuyệt đối tính mạng, thân thể, quyền sở hữu tối cao của nhà vua. Theo đó, tất cả những hành vi tùy tiện xâm phạm thái miếu, hoàng thành, cung điện,... cùng các tội xâm phạm đến an ninh quốc gia, các hành vi bán ruộng đất bừa bãi, mắm muối, vật cấm và binh khí cho người nước ngoài đều được coi là vi phạm pháp luật, vi phạm nghiêm trọng đạo *trung*, là nằm trong các tội *thập ác* và bị trừng trị với những khung hình phạt rất nặng (*đồ, lưu, tử hình*)(4). Ngoài ra, ở nhiều chương, nhiều điều khác trong bộ luật này quy định tất cả những hành vi, hành động vi phạm và làm nguy hại đến lễ chế “tôn quân”, “trung vua” “tam cương, ngũ thường”, trật tự đẳng cấp – tức là những chuẩn mực đạo đức Nho giáo và trật tự xã hội phong kiến theo quan điểm Nho giáo đều được coi là vi phạm nghiêm trọng địa vị, quyền lực tối thượng của nhà vua; đến lợi ích và sự tồn tại của giai cấp phong kiến, của nhà nước và chế độ phong kiến, v.v.. Và như vậy, đều được xem là vi

phạm nghiêm trọng pháp luật, bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc.

Đúng là bộ *Luật Hồng Đức* được xây dựng, bổ sung và hoàn chỉnh trên cơ sở tiếp thu nhiều bộ luật của Việt Nam trước đó, như bộ *Hình thư* (năm 1042) dưới triều Lý, bộ *Quốc triều hình luật* (năm 1230) dưới triều Trần cùng nhiều văn bản pháp luật khác được công bố và thi hành trong các triều đại này. Nhưng pháp luật phong kiến Trung Quốc, tư tưởng Nho giáo và tư tưởng Pháp trị của phái Pháp gia cũng là cơ sở và nền tảng tư tưởng để xây dựng và chỉ đạo việc thực thi bộ luật này. Do vậy, cùng với mục đích chủ yếu của bộ luật này như đã nói ở trên, bộ *Luật Hồng Đức* không thể không chứa đựng tính chất khắc nghiệt, tàn khốc và nhiều yếu tố hạn chế, tiêu cực như nhiều bộ luật khác dưới chế độ phong kiến. Nhưng bên cạnh đó, những yếu tố và tính chất nhân văn, nhân bản của Phật giáo, Nho giáo và đặc biệt là những giá trị tốt đẹp mang đậm tính nhân văn, nhân ái, đoàn kết trong truyền thống dân tộc và phong tục, tập quán của người Việt Nam; yêu cầu và nhiệm vụ thực tiễn đặt ra cho giai cấp phong kiến (cũng còn là của cả dân tộc) trong công cuộc bảo vệ xây dựng, phát triển đất nước về mọi mặt, trong việc xây dựng chế độ phong kiến toàn thịnh và một nhà nước phong kiến trung ương tập quyền hùng mạnh cũng là những cơ sở, căn cứ và là những mục đích chủ yếu để xây dựng, hoàn chỉnh bộ luật này.

Vì vậy, có thể khẳng định rằng, ngoài

(4) *Đồ* (đồ hình): người phạm tội bị giam cầm và bắt làm việc khổ sai. *Lưu* (lưu phóng): người phạm tội bị đày đi nơi xa. *Tử hình* (có 3 bậc tùy theo tội): thắt cổ (*giáo*), chém (cả chém và bêu đầu), lăng trì (hình phạt tàn khốc nhất, phạm nhân bị đem ra pháp trường và bị cắt chân tay, xẻo da thịt dần cho đến chết).

những hạn chế, tính chất cứng nhắc và tiêu cực, bộ *Luật Hồng Đức* còn chứa đựng nhiều yếu tố, giá trị tích cực, tiến bộ. Trong đó, cần phải nhấn mạnh và khẳng định đến một giá trị nổi bật là, *những quyền tối thiểu nhưng cơ bản của con người, đặc biệt là của người dân được thừa nhận, được tôn trọng và được bảo vệ bằng pháp luật*. Những quyền ấy cùng những giá trị của nó không chỉ được thể hiện ở những tư tưởng, đường lối, chủ trương mà còn ở cả việc chỉ đạo, hướng dẫn việc thực thi bộ luật này. Tất cả đều nhằm làm cho những quyền cơ bản của con người được thực hiện có hiệu quả trong thực tế đúng theo tinh thần của Nho giáo mà các triều đại phong kiến Việt Nam lấy làm hệ tư tưởng: Dân là gốc nước, là nền tảng của chính trị và đúng như lời tuyên bố của vua Lê Thánh Tông: “Đạo lớn của đế vương” là “thương yêu dân chúng kính trời xanh”, v.v..

Nhìn tổng thể, các điều luật ở các chương trong bộ *Luật Hồng Đức* khẳng định, tất cả những hành vi, hành động nào vi phạm đến quyền con người đều được coi là vi phạm pháp luật và đều bị nghiêm trị cho dù người vi phạm là ai đi chăng nữa (tất nhiên trừ nhà vua).

Vậy, những quyền cơ bản nào của con người, những nội dung và giá trị nào liên quan đến quyền cơ bản của con người được đề cập trong bộ *Luật Hồng Đức* ?

Trước hết, bộ *Luật Hồng Đức* đã đưa ra nhiều điều luật, quy phạm cụ thể nhằm tạo ra môi trường, thể chế,... để những quyền cơ bản của con người được tôn trọng và được bảo vệ.

Về vấn đề này, cũng cần lưu ý đến một thực tế là, cho đến nay, trong giới nghiên cứu, không ít người đã khẳng định các

triều đại phong kiến Việt Nam dựa vào Nho giáo, pháp luật Trung Quốc để hình thành các bộ luật cho triều đại mình là chỉ nhằm mục đích củng cố, duy trì địa vị tối cao, quyền lực thống trị tuyệt đối của nhà vua, bảo vệ sự tồn tại vĩnh viễn của chế độ phong kiến và địa vị thống trị của giai cấp phong kiến, v.v.. Đúng là bộ *Luật Hồng Đức*, như đã nói ở trên, có khá nhiều điều luật thể hiện và minh chứng cho những nhận định này. Nhưng đó chỉ là một mặt, dù là mặt chủ yếu. Còn một mặt khác nữa là, tuy những điều luật đó nhằm củng cố, duy trì trật tự, kỷ cương, sự ổn định của chế độ phong kiến và phù hợp với yêu cầu và lợi ích của giai cấp phong kiến,... song ở một mức độ nhất định nào đó, điều đó lại tạo ra một môi trường, điều kiện, một xã hội để cho quyền con người được thừa nhận và được tôn trọng. Có nghĩa là, ở bất cứ chế độ xã hội nào cũng vậy, những quyền cơ bản của con người chỉ có thể được tôn trọng, bảo vệ, được thực tiễn hoá trong một xã hội, một chế độ xã hội có trật tự, có kỷ cương và thật sự ổn định. Bộ *Luật Hồng Đức* đưa ra nhiều điều luật nhằm ràng buộc, bắt buộc mọi người kể cả nhà vua, tầng lớp quan lại tuân thủ theo đúng tinh thần “vua ra vua, bề tôi ra bề tôi”, “cha ra cha, con ra con”, trên dưới có trật tự,... để “tu thân” mà “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Cho dù có ngoài ý muốn của các ông vua và giai cấp phong kiến thời Lê sơ như thế nào đi chăng nữa, thì điều này cũng đã tạo ra những tiền đề, những điều kiện hợp pháp để thực thi có hiệu quả quyền con người về phương diện pháp luật.

Ngoài ra, nhiều điều luật nhằm điều chỉnh hành vi con người trong các mối quan hệ cơ bản của con người theo tinh

thân của đạo “tu thân”, “tề gia”, “tam tông tứ đức”, “trên dưới có trật tự”, v.v., dù không tránh khỏi tính chất cứng nhắc và khắc nghiệt, nhưng rõ ràng, điều đó đã tạo ra điều kiện, tính chất hợp lý để quyền con người được tôn trọng; các quyền được chăm sóc và được nuôi dưỡng, được bảo vệ của người già cả, ốm yếu, người khó khăn, ông bà, cha mẹ, người trên được thực hiện. Theo đó, các tội *bất hiếu, bất kính, bất nghĩa* trong bộ luật này được xếp vào tội *Thập ác* và bị nghiêm trị với những hình phạt rất nặng (đồ, lưu, tử hình). Như điều 475, 503, 504,(5) ... của bộ Luật này đã ghi rõ, nếu con cháu lăng mạ, tố cáo ông bà cha mẹ, vợ tố cáo chồng (chỉ cho phép tố cáo khi ông bà, cha mẹ, chồng phạm tội *mutu phan, đại nghịch*) thì bị đày đi nơi xa. Điều 506 quy định, con cháu trái lời dạy bảo, không phụng dưỡng bề trên; con nuôi, con kế thất hiếu với cha nuôi, cha kế bị xử tội *đồ*. Hoặc nhiều điều khác cấm con dâu không được chửi mắng, đánh đập, âm mưu giết ông bà, cha mẹ chồng và các hành động đánh đập anh chị, cậu dì, ông bà cha mẹ vợ, cùng chú bác, thím cô, anh em trai, v.v.. Nếu phạm những tội này sẽ bị xử tội *đồ, lưu*;... (điều 476, 477, 478...). Bên cạnh đó, bộ Luật cũng đưa ra nhiều quy định cấm quan lại, những kẻ có chức quyền không được tự tiện quấy nhiễu nhân dân (các điều 304, 632,...); quan lại phải đảm bảo an ninh, an toàn cho dân (các điều 458, 645, 646, 647, 648, 648...), phải chăm sóc những người già cả, trẻ mồ côi, người tàn tật, thấp hèn... (các điều 294, 295,...), không được lợi dụng chức quyền để tham ô, chiếm đoạt tiền bạc, tài sản của dân, v.v..

Rõ ràng, bộ *Luật Hồng Đức* với những điều luật của mình không chỉ nhằm bảo vệ

địa vị thống trị và quyền lợi của nhà vua và giai cấp phong kiến, không chỉ duy trì và bảo vệ trật tự, kỷ cương của chế độ phong kiến, mà còn kiến tạo và duy trì một xã hội mà trong đó, những quyền cơ bản của con người, của mọi người được tôn trọng và được bảo vệ bằng pháp luật.

Hai là, trong bộ *Luật Hồng Đức*, có nhiều điều luật với nhiều quy định cụ thể đã chứng tỏ nhân phẩm con người và nhiều quyền tự do khác của con người được thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ.

Thể hiện điều này và tính ưu việt của nó, như đã nói ở trên, tất cả những hành động xâm phạm đến nhân phẩm con người, như con cháu chửi mắng, đánh đập ông bà cha mẹ; anh em, vợ chồng đánh đập, chửi mắng, lăng mạ, làm nhục nhau (các điều từ 473 đến 476,...); các hành vi tố cáo, vu khống không đúng sự thật và trái quy định (từ điều 501 đến điều 505); việc quan lại quấy nhiễu ức hiếp dân (điều 164); tự tiện bắt bớ, giam cầm người vô tội (điều 636); phạm nhân không đáng gông cùm mà gông cùm (điều 658); vô cớ đánh đập tù nhân (điều 707); đánh chết hay bức tử người tù (điều 682); tra tấn tù nhân tuổi cao và vị thành niên (điều 665); không chăm sóc tù nhân (điều 663); xử tội không đúng tội danh và theo luật quy định (điều 679),... đều bị pháp luật nghiêm trị. Đặc biệt, bộ luật này còn đưa ra những quy định cấm “Các tước vương công và nhà quyền quý tự tiện thích chữ vào dân đình” (điều 168), cùng tất cả những ai tự tiện thích chữ vào mặt vợ, con trai, con gái người khác và nô

(5) *Quốc triều hình luật* (Viện Sử học dịch và giới thiệu). Sđd. Do đặc điểm và cấu trúc của bộ luật được giới thiệu trong cuốn sách trên, cho nên trong bài viết này, chúng tôi không cần dẫn trích số trang ghi chép điều luật được dẫn ra mà chỉ dẫn điều luật với số cụ thể.

quá say đắm với nàng hầu mà thờ ơ với vợ thì bị xử tội *biếm*. Bên cạnh đó, như trên đã nói, tất cả những hành vi gian dâm đều bị nghiêm trị với khung hình phạt rất nặng.

Mặc dù tuân thủ khá nghiêm ngặt những quan điểm của Nho giáo là địa vị, vai trò của người phụ nữ, người vợ bị coi thường và bị hạ thấp so với người đàn ông, người chồng, v.v., nhưng trong bộ *Luật Hồng Đức*, có nhiều điều thể hiện sự nới lỏng những ràng buộc đối với người phụ nữ, người vợ; người phụ nữ, người vợ đã ít nhiều có vai trò, quyền hạn nhất định trong việc lựa chọn, định đoạt và bảo vệ hôn nhân, hạnh phúc của mình. Điều 322 quy định rõ ràng: người con gái nào đã hứa gả chồng mà chưa thành hôn, nếu người con trai bị ác tật hay phạm tội hoặc phá tán gia sản thì cho phép người con gái được kêu quan mà trả đồ lễ. Ngoài ra, có nhiều điều trong bộ luật bảo đảm trong một chừng mực nhất định quyền tự do và bình đẳng của người phụ nữ với người đàn ông, như cho phép người vợ được ly dị chồng trong một số trường hợp theo luật định; được đồng sở hữu tài sản với người chồng (nếu là tài sản chung của vợ và chồng), được quyền sở hữu tài sản riêng và một phần tài sản riêng của chồng nếu việc ly hôn không do lỗi của người vợ hoặc khi người chồng chết (điều 375); hoặc cũng như con trai, người con gái được phần thừa kế tài sản của bố mẹ để lại khi bố mẹ chết; trường hợp gia đình không có con trai thì được quyền kế thừa hương hỏa (điều 391).

Rõ ràng là, nhân phẩm con người và các quyền tự do của con người được thừa nhận, bảo vệ thể hiện trong bộ *Luật Hồng Đức* còn là sự kế thừa những giá trị truyền

thống tốt đẹp và những thuần phong, mỹ tục của dân tộc và con người Việt Nam. Đây chính là một trong nhiều điểm tiến bộ của bộ *Luật Hồng Đức*; do vậy, nó khác về cơ bản so với nhiều bộ luật Trung Quốc phong kiến.

Ba là, mọi người đều có quyền được sống, được chăm sóc, được bảo vệ. Đây có thể được coi là điểm *nổi bật nhất, tiến bộ nhất* của bộ *Luật Hồng Đức* về vấn đề quyền con người.

Trước hết, cần phải khẳng định rằng, không chỉ ở Việt Nam, mà ở nhiều nước phương Đông khác, trong đời sống chính trị, không phải bao giờ và lúc nào, địa vị thống trị của các thế lực, giai cấp thống trị cũng bị quy định trực tiếp bởi địa vị kinh tế mà còn phụ thuộc vào sự quan tâm của các thế lực, giai cấp này đến đời sống và vai trò của người dân. Đặc biệt ở Việt Nam, nhân dân có vai trò hết sức to lớn và có ý nghĩa quyết định trong công cuộc dựng nước và giữ nước, trong việc bảo vệ và phát triển chế độ phong kiến. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên, trong các bộ luật cũng như trong nhiều *chiếu, dụ, điều* của các nhà vua, các triều đại phong kiến Việt Nam (được ghi chép các bộ Quốc sử, như *Đại Việt sử ký toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam thực lục*) cho thấy, các triều đại phong kiến Việt Nam rất quan tâm đến đời sống mọi mặt của người dân theo đúng tinh thần “thân dân”, “ái dân”, “kính trọng dân” của Nho giáo.

Ngoài ra, dù nhìn nhận quyền con người ở phương diện nào và như thế nào thì cũng phải thừa nhận rằng, cái cốt lõi và thực chất của quyền con người là quyền được sống, được chăm sóc, được bảo vệ và tất cả các quyền khác của con người chỉ được thực

hiện và chỉ có ý nghĩa khi quyền sống, quyền được chăm sóc, được bảo vệ được tôn trọng, bảo đảm trong thực tế và được thể chế hoá bằng pháp luật, đạo luật.

Liên quan đến quyền sống – một trong những quyền cơ bản của con người, bộ *Luật Hồng Đức* đã đưa ra khá nhiều điều luật thể hiện chủ trương của nhà vua, nhà nước phong kiến cùng những quy định để hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện quyền này ở hai mặt: mọi người phải có đời sống vật chất khá đầy đủ và được sống trong môi trường văn hoá lành mạnh. Nhiều điều luật đã quy định, nhà vua, tầng lớp quan lại phải có trách nhiệm chăm lo và đảm bảo đời sống vật chất của người dân. Theo đó, tất cả những hành động tự tiện chiếm ruộng đất, của cải, tiền bạc của dân, tự tiện thu thuế và thu thuế trái quy định của dân để làm của riêng, kể cả để làm lễ vật cúng phụng nhà vua, đều vi phạm pháp luật và phải bị nghiêm trị; toàn bộ tài sản của dân bị chiếm đoạt hoặc thu sai quy định phải trả lại gấp đôi cho dân (các điều 181, 185, 186, 206, 300, 325, 326, 336, 338,...). Điều 325 còn hướng dẫn việc thu thuế phải công bằng; phải phân biệt người giàu, người nghèo, người khoẻ, người yếu mà thu thuế nhiều hay ít, trước hay sau. Ngoài ra, bộ luật còn đưa ra các điều luật để ngăn cấm và trừng phạt các tội tự tiện giết, bán súc vật, trâu ngựa; phá hoại hoa màu, dê điều, cầu cống,... ảnh hưởng đến công việc và đời sống của dân (các điều 573, 575, 578, 579, 580, 581, 596,...); yêu cầu quan lại địa phương phải chăm lo sửa sang đường xá, cầu cống để phục vụ tốt công việc nhà nông và cuộc sống của người dân (các điều 633, 635).

Ngoài những quy định nhằm bảo đảm đời sống vật chất cho mọi người, bộ *Luật Hồng Đức* còn có những quy định việc thực

hiện quyền của con người được sống trong môi trường văn hoá lành mạnh. Theo đó, mọi hành vi vi phạm trật tự, kỷ cương, sự hoà mục trong gia đình, ngoài xã hội đều bị ngăn cấm và bị trừng trị. Không những thế, bộ luật đã đưa ra nhiều điều ngăn cấm và trừng trị tội nhận hối lộ, tội gian dân, ăn mặc lối lãng càn dỡ (điều 640), tội dung nạp, chứa chấp bọn vô lại, bói toán, thầy phù thủy, đồng cốt, bọn giang hồ (điều 337); quan lại không ngăn cấm cũng như không trừng trị các hoạt động mê tín, dị đoan (các điều 332, 413, 538); tội không lòng bắt bọn trộm cướp trong địa hạt mà quan lại quản lý (điều 284) và nhiều điều luật khác khuyến khích tính trung thực, lòng vị tha của con người.

Ngoài quyền sống, thì quyền được chăm sóc, được bảo vệ tính mạng và tài sản của con người cũng được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nhìn chung, bộ *Luật Hồng Đức* đều yêu cầu, đòi hỏi nhà vua, tầng lớp quan lại phải hết sức chăm lo cuộc sống, tính mạng của người dân, nhất là những người có hoàn cảnh đặc biệt. Như điều 294 và 295 ghi rõ: Nhà nước và mọi người phải có trách nhiệm chăm sóc, nuôi nấng những người ốm đau không ai nuôi nấng, những người vô gia cư, thấp hèn, những người tàn tật, goá vợ, goá chồng, những kẻ mồ côi, nghèo khổ không nơi nương tựa. Và quy định, đối với những người này, quan sở tại phải thu nuôi mà không được bỏ rơi họ; nếu không như vậy sẽ bị nghiêm trị. Ngoài các điều quy định về việc ngăn cấm, trừng trị các tội ngược đãi, vô cớ đánh đập, hành hạ tù nhân, giết chết hay bức tử tù nhân, xét xử oan sai, phạm tội không đáng giam cầm mà giam cầm,... như đã nói ở trên, bộ luật này còn có những quy định, tù nhân phạm

tội nếu bị thương hay ốm đau phải được chữa trị, chăm sóc (điều 663), không được tra tấn tù nhân tuổi cao hay vị thành niên (điều 665). Điều 16 còn quy định, những người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống và những người bị phế tật nếu phạm tội (trừ tội *Thập ác*) đều cho chuộc tội bằng tiền; người từ 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống mắc tội chết đều được tha bổng. Điều 17 chỉ rõ: người nào khi phạm tội chưa già cả, tàn tật đến khi già cả, tàn tật mới phát hiện thì xử tội theo luật già cả, tàn tật và khi nhỏ mà phạm tội đến khi lớn mới phát giác thì xử tội theo luật khi còn nhỏ. Còn những người phạm tội (trừ tội *Thập ác* và giết người) chưa bị phát giác mà tự thú trước đều được tha tội (điều 18). Đặc biệt bộ luật này đã đưa ra khá nhiều điều luật cho thấy, những hành vi chủ mưu, cố ý cướp của giết người, đánh đập, đe dọa đến sức khỏe, tính mạng con người với tất cả những thủ đoạn và biểu hiện của các loại tội phạm này đều bị nghiêm trị đích đáng. Theo đó, tất cả những ai tự huỷ hoại hoặc chủ mưu, cố ý huỷ hoại cơ thể mình hoặc người khác đều bị phạt tội *lưu*, người nào biết mà không tố cáo, không phát giác hay chứa chấp kẻ ấy đều bị xử tội *đồ* (điều 305); quan lại cai quản địa hạt của mình nếu có hồ, chó sói, lợn rừng cắn hại người dân mà không tìm cách săn bắt thì bị tội *biếm* (điều 371). Hơn thế nữa, những người nào dùng thuốc độc hại người hay bán thuốc độc (điều 421), nuôi trùng độc để hại người cùng người dạy cách nuôi (điều 424) đều bị tội *giảo* (thắt cổ, chém). Còn tất cả những hành vi cố ý làm bị thương hay giết người, kể cả kẻ chủ mưu và tòng phạm, đều bị khép vào tội giết người và đều phải chịu hình phạt cao nhất là *chém*

đầu và những người nào biết mà không tố giác đều bị xử tội *lưu* (các điều 415, 420, từ điều 424 đến điều 428, điều 447, từ điều 474 đến điều 494...). Ngay cả những ai vì sự thù ghét mà dùng thuật tà ma, bùa chú để định giết người (dù chưa dẫn đến chết người) cũng bị khép vào tội *mutu sát* và giảm nhẹ tội này hai bậc so với tội giết người (điều 423). Đặc biệt, các hành động giết người tàn bạo (giết tới 3 người trong một gia đình, xả thân người ta - điều 420), ăn cướp lại giết người (điều 426), ăn cướp và ăn trộm mà lại hiếp dâm thì cả kẻ chủ mưu và kẻ tòng phạm đều bị *chém bêu đầu*. Đồng thời, nhiều điều luật trong bộ luật này còn ngăn cấm và trừng trị quan lại nào có những hành động không biết làm lợi cho dân mà lại làm hại, sách nhiễu, quấy nhiễu, hà hiếp dân thường,...

3. Như vậy, có thể nói, bộ *Luật Hồng Đức* không chỉ nhằm bảo vệ địa vị và quyền lợi của nhà vua, giai cấp phong kiến thống trị, mà còn thừa nhận và bảo vệ những quyền cơ bản nhất của con người, mọi người. Mặc dù còn có những hạn chế nhất định không thể tránh khỏi, nhưng căn cứ vào nội dung, tính chất khi đề cập đến quyền con người, có thể khẳng định rằng, bộ *Luật Hồng Đức* đã để lại nhiều giá trị và ý nghĩa tiến bộ, tích cực. Đặc biệt, nó có ý nghĩa, giá trị to lớn và là một trong những kinh nghiệm quý báu không chỉ trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; trong việc hoàn thiện và chỉ đạo việc thực hiện thành công đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước ta về con người, quyền con người, mà còn trong việc bổ sung, hoàn thiện và cụ thể hoá nhiều đạo luật, văn bản pháp luật ở nước ta hiện nay. □